

BỘ GIAO THÔNG VẬN
TẢI
Số: 4352/2001/QĐ-
BGTVT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2001

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy chế quản lý sát hạch cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 29/6/2001;

Căn cứ Nghị định 22/CP ngày 22/3/1994 của Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm quản lý nhà nước và cơ cấu tổ chức bộ máy của Bộ Giao thông vận tải;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam, Vụ trưởng Vụ pháp chế - Vận tải và Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ - Lao động,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy chế quản lý sát hạch cấp Giấy phép lái xe cơ giới đường bộ".,

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01/01/2002 và thay thế cho Quyết định 2597/1998/QĐ-BGTVT ngày 19/10/1998 của Bộ Giao thông vận tải.

Điều 3. Các Ông (Bà): Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ TCCB-LĐ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế - vận tải, Cục trưởng Cục đường bộ VN, Giám đốc Sở GTVT, GTCC và Thủ trưởng các Cơ quan, Đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Trần Doãn Thọ

(Đã ký)

QUY CHẾ

Quản lý sát hạch cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4352/QĐ-BGTVT ngày 18 tháng 12 năm 2001
của Bộ trưởng Bộ GTVT)

Chương 1

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

- Bản Quy chế này quy định về quản lý sát hạch cấp Giấy phép lái xe cơ giới đường bộ (SHCGPLX) áp dụng thống nhất đối với các Ban quản lý SHCGPLX, các Trung tâm SHCGPLX và các Cơ sở đào tạo lái xe (ĐTLX) trong phạm vi cả nước.
- Quy định này không áp dụng đối với công tác quản lý SHCGPLX của ngành Công an và Quân đội làm nhiệm vụ an ninh, quốc phòng.

Điều 2. Các thuật ngữ

1. Phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (sau đây gọi là xe cơ giới):

Là các loại xe di chuyển trên đường bộ bằng sức kéo của động cơ do người điều khiển, bao gồm:

Mô tô 2 hoặc 3 bánh, xe máy; xích lô máy, xe lam 3 bánh.

Ô tô các loại: Ô tô con, ô tô tải, ô tô khách, ô tô chuyên dùng, sơ mi rơ moóc.

Máy kéo bánh lốp và các loại cần cẩu bánh lốp tự hành trên đường bộ.

2. Giấy phép lái xe (GPLX):

Là chứng chỉ cấp cho người điều khiển xe cơ giới (người lái xe) để được phép lái một hoặc một số loại xe cơ giới.

3. Thời gian hành nghề lái xe:

Là thời gian người có GPLX đã lái loại xe ghi trong GPLX

4. Lái xe chuyên nghiệp:

Là người lái xe sinh sống bằng nghề lái xe.

5. Lái xe không chuyên nghiệp:

Là người lái xe không sinh sống bằng nghề lái xe.

6. Khái niệm cấp GPLX:

Bao gồm: Cấp mới, đổi, khôi phục và thu hồi GPLX.

Chương 2

HỆ THỐNG GIẤY PHÉP LÁI XE

Điều 3. Phân hạng Giấy phép lái xe

1. Hạng A1: Cấp cho người lái xe để điều khiển xe mô tô 2 bánh có dung tích xi lanh từ 50 cm^3 đến dưới 175 cm^3 .
2. Hạng A2: Cấp cho người lái xe để điều khiển xe mô tô 2 bánh có dung tích xi lanh từ 175 cm^3 trở lên và các loại xe quy định cho GPLX hạng A1.
3. Hạng A3: Cấp cho người lái xe để điều khiển các loại mô tô 3 bánh, bao gồm cả xe lam, xích lô máy và các loại xe quy định cho GPLX hạng A1.
4. Hạng A4: Cấp cho người lái xe để điều khiển các loại máy kéo có tải trọng kéo đến 1000 kg.
5. Hạng B1: Cấp cho người lái xe không chuyên nghiệp để điều khiển:
 - Ô tô chở người đến 9 chỗ ngồi kể cả chỗ ngồi cho người lái;
 - Ô tô tải, kể cả ô tô chuyên dùng có trọng tải thiết kế dưới 3.500 kg;
 - Máy kéo kéo 1 rơ moóc có trọng tải thiết kế dưới 3.500 kg.
6. Hạng B2: Cấp cho người lái xe chuyên nghiệp để điều khiển:
 - Ô tô chở người đến 9 chỗ ngồi kể cả chỗ ngồi cho người lái.
 - Ô tô tải, kể cả ô tô chuyên dùng có trọng tải thiết kế dưới 3.500 kg.
 - Máy kéo kéo 1 rơ moóc có trọng tải thiết kế dưới 3.500 kg.
 - Ô tô cần cẩu bánh lốp có sức nâng thiết kế dưới 3.500 kg.
 - Các loại xe quy định cho Giấy phép lái xe hạng B1.
7. Hạng C: Cấp cho người lái xe chuyên nghiệp để điều khiển:
 - Ô tô tải, kể cả ô tô chuyên dùng có trọng tải thiết kế từ 3.500 kg trở lên.
 - Đầu kéo, máy kéo kéo 1 rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc có trọng tải thiết kế từ 3.500 kg trở lên.
 - Ô tô cần cẩu bánh lốp có sức nâng thiết kế từ 3.500 kg trở lên.

- Các loại xe quy định cho GPLX Hạng B1, B2.

8. Hạng D: Cấp cho người lái xe chuyên nghiệp để điều khiển:

- Ô tô chở người từ 10 đến 30 chỗ ngồi kể cả chỗ ngồi cho lái xe.

- Các loại xe quy định cho GPLX Hạng B1, B2, C.

9. Hạng E: Cấp cho người lái xe chuyên nghiệp để điều khiển

- Ô tô chở người trên 30 chỗ ngồi kể cả chỗ ngồi cho người lái.

- Các loại xe quy định cho GPLX Hạng B1, B2, C, D.

10. Người có GPLX Hạng B1, B2, C, D, E được phép điều khiển các loại xe tương ứng kéo thêm 1 rơ moóc có trọng tải thiết kế không quá 750 kg.

11. Hạng F: Cấp cho người đã có GPLX Hạng B2, C, D, E để điều khiển các loại xe tương ứng có kéo rơ moóc trọng tải thiết kế lớn hơn 750 kg, được quy định cụ thể như sau:

- Hạng FB2: Cấp cho người điều khiển ô tô tải được quy định tại GPLX Hạng B2 có kéo rơ moóc và được điều khiển các loại xe quy định cho GPLX Hạng B1, B2.

- Hạng FC: Cấp cho người điều khiển ô tô được quy định tại GPLX Hạng C có kéo rơ moóc và được điều khiển các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng B1, B2, C, FB2.

- Hạng FD: Cấp cho người điều khiển ô tô được quy định tại GPLX Hạng D có kéo rơ moóc và được điều khiển các loại xe quy định cho GPLX Hạng B1, B2, C, D, FB2, FC.

- Hạng FE: Cấp cho người điều khiển ô tô được quy định tại GPLX Hạng E có kéo rơ moóc và được điều khiển các loại xe quy định cho GPLX Hạng B1, B2, C, D, E, FB2, FC, FD.

12. Giấy phép cấp cho người điều khiển các loại xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ có văn bản quy định riêng.

13. Giấy phép lái xe do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải duyệt mẫu và giao Cục ĐBVN in, phát hành, hướng dẫn và quản lý việc cấp và sử dụng GPLX trong phạm vi cả nước.

Điều 4. Thời hạn của giấy phép lái xe.

1. Hạng A1, A2, A3: không thời hạn

Khi cấp GPLX Hạng A2 cho người điều khiển mô tô 2 bánh có dung tích xi lanh từ 175 cm³ trở lên phải theo đúng quy định của Thủ tướng Chính phủ về đối tượng được sử dụng loại xe này.

2. Hạng B1: 5 năm.

3. Hạng A4, B2, C, D, E và Hạng F: 3 năm.

Điều 5. Quản lý và sử dụng giấy phép lái xe

1. Người có GPLX chỉ được lái loại xe quy định ghi trong GPLX.

2. Giấy phép lái xe phải mang theo người khi lái xe.

3. Giấy phép lái xe có thể bị thu hồi có thời hạn hoặc vĩnh viễn theo quy định của Chính phủ.

4. Người có GPLX không chuyên nghiệp muốn lái xe chuyên nghiệp và người có nhu cầu nâng hạng GPLX phải dự khoá bồi túc và sát hạch để được cấp GPLX mới.

5. 30 ngày trước khi GPLX hết hạn, người có GPLX phải làm đơn xin đổi kèm theo Giấy chứng nhận sức khỏe theo quy định, gửi đến cơ quan có thẩm quyền để xin cấp lại.

6. Khi đổi hoặc nâng hạng GPLX thì cơ quan cấp GPLX mới cắt góc GPLX cũ và giao cho người lái xe lưu giữ.

7. Trường hợp người có GPLX chuyển vùng từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này đến tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác, cơ quan cấp GPLX nơi người lái xe chuyển đến làm thủ tục ghi nhận để theo dõi quản lý. GPLX chuyển đến được tiếp tục sử dụng.

8. Người nước ngoài cư trú tại Việt Nam hoặc người nước ngoài lái xe đăng ký ở nước ngoài vào Việt Nam có giấy phép lái xe (hoặc bằng) quốc tế hay quốc gia, nếu có nhu cầu lái xe ở Việt Nam phải làm thủ tục xin đổi GPLX tương ứng của Việt Nam. Trong trường hợp các Điều ước quốc tế về GPLX Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia có quy định khác quy chế này thì áp dụng quy định của Điều ước quốc tế đó.